

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PLEIKU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 93/2024/DS-ST

Ngày: 26/8/2024

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa bà Nguyễn Thị Nga;
- Các Hội thẩm nhân dân ông Nguyễn Bá Lý và bà Lê Thị Toan.
- Thư ký phiên tòa bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng C**. Địa chỉ: **A L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội**. Người đại diện theo pháp luật ông **Dương Quyết T**, chức vụ: **Tổng giám đốc Ngân hàng C**.

Người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Triều Q**, chức vụ **Phó giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh G**. Địa chỉ: **A P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai**.

- Bị đơn: Bà **Tô Thị N**, sinh năm 1972. Địa chỉ: **A Đ, tổ B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai**.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ông **Nguyễn Triều Q** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 950/2022/HĐ-TD ngày 20/5/2022, **Ngân hàng C** – **Chi nhánh tỉnh G** đã cho bà **Tô Thị N** vay số tiền 50.000.000đồng, mục đích để buôn bán cà phê giải khát, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 21/5/2023. Đến hạn trả nợ bà **N** không trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng tín dụng, bên phía Ngân hàng cũng có văn bản nhắc nhở, thông báo và yêu cầu bà **Tô**

Thị N thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nhưng bà **N** cố tình trốn tránh kéo dài thời gian không thực hiện.

Nhằm bảo toàn nguồn vốn của Nhà nước, nay **Ngân hàng C** có đơn khởi kiện đối với bà **Tô Thị N**. Tính đến ngày 26/8/2024 bà **Tô Thị N** còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 51.742.395 đồng (trong đó số tiền gốc còn lại là 48.500.000 đồng và lãi suất vay là 3.242.395 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/8/2024 cho đến khi bà **N** trả hết số nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đối với bị đơn là bà **Tô Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 08/8/2024 bà **N** thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng số 950/2022/HĐ-TD áp dụng cho người lao động, Ngân hàng chính sách xã hội đã cho bà vay số tiền 50.000.000 đồng, sau đó bà có trả được 1.500.000 đồng tiền gốc, tuy nhiên do kinh tế khó khăn bà đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên **Ngân hàng C** đã khởi kiện. Tính đến ngày 14/6/2024, bà thừa nhận còn nợ của **Ngân hàng C** số tiền là 50.743.682 đồng, trong đó nợ gốc là 48.500.000 đồng, nợ lãi là 2.243.682 đồng. Bà **N** đồng ý trả số tiền trên cho Ngân hàng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng như bà đã ký nhận nhưng hiện tại bà đang khó khăn nên xin Ngân hàng tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

[1] Về quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn **Ngân hàng C** (thông qua Chi nhánh **Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C**) có ký Hợp đồng tín dụng số: 950/2022/HĐ-TD ngày 20/5/2022 áp dụng cho người lao động, cho bà **Tô Thị N** vay số tiền 50.000.000 đồng để buôn bán cà phê giải khát, thời hạn vay là 12 tháng. Như vậy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Đơn khởi kiện của nguyên đơn được làm đúng theo quy định về hình thức và tranh chấp; bị đơn cư trú tại **thành phố P**, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" là đúng theo quy định tại các Điều 26 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng số 950/2022/HĐ-TD ngày 20/5/2022 được ký kết giữa bà **Tô Thị N** với Chi nhánh **Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C** là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, bị đơn bà **Tô Thị N** không thực hiện trả đầy đủ tiền lãi suất và nợ gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy **Ngân hàng C** khởi kiện yêu cầu bà

Tô Thị N phải trả nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh là có căn cứ cần chấp nhận. Như vậy tính đến ngày 26/8/2024 bà **Tô Thị N** còn nợ **Ngân hàng C** tổng số tiền: 51.742.395 đồng, cần buộc bị đơn bà **Tô Thị N** phải thanh toán số tiền gốc còn lại là 48.500.000 đồng và tiền lãi suất 3.242.395 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/8/2024 cho đến khi bà **N** trả hết số nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đối với khoản vay của bà **Tô Thị N** không có tài sản làm đảm bảo nợ vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn bà **Tô Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.587.120đ (*Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi đồng*) để sung công.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều 26; Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, 94, 95, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*);

-Căn cứ Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

-Căn cứ các Điều 280, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng C**.

[2]. Buộc bị đơn bà **Tô Thị N** phải trả cho **Ngân hàng C** (thông qua Chi nhánh **Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C**) tổng số tiền: 51.742.395đ (*Bằng chữ: Năm mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm chín lăm đồng*), trong đó nợ gốc: 48.500.000 đồng và tiền lãi vay là 3.242.395 đồng cho **Ngân hàng C**.

Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/8/2024, theo Hợp đồng tín dụng số 950/2022/HĐ-TD ngày 20/5/2022 cho đến ngày bị đơn bà **Tô Thị N** trả xong nợ cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội.

[3] Về án phí: Bị đơn bà **Tô Thị N** phải nộp 2.587.120đ (*Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công.

[4]. Quyền kháng cáo: **Ngân hàng C** (thông qua Chi nhánh **Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C**) có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án 26/8/2024. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

[5]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngà

